

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh Đồng Nai tại Tờ trình số 667/TTr-VP ngày 30 tháng 3 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của UBND tỉnh Đồng Nai (Danh mục và nội dung thủ tục hành chính nội bộ kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục KSTTHC (VPCP);
- Các Bộ, ngành Trung ương;
- TT Tỉnh ủy,
- TT HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Báo Đồng Nai; Đài PT-TH Đồng Nai;
- Trung tâm kinh doanh VNPT (TĐ 1022);
- Lưu: VT, HCC, HCTC, Công TTĐT tỉnh.



CHỦ TỊCH

Cao Tiên Dũng



I

Phần I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Stt	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Trang
I.	SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ			1
1	Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án do cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập	Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	1
2	Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu	Đấu thầu		4
3	Thẩm định chủ trương đầu tư	Đầu tư công		10
4	Thẩm định dự án đầu tư không có cấu phần xây dựng			14
5	Thẩm định thiết kế, dự toán dự án đầu tư không có cấu phần xây dựng			16
6	Thẩm định dự án đầu tư có cấu phần xây dựng			18
II.	SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO			22
A.	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP TỈNH			22
7	Chuyển công tác (gồm: giữa các đơn vị trực thuộc; các đơn vị trực thuộc sở chuyển đến các huyện, thành phố trong tỉnh; các đơn vị trực thuộc sở chuyển đến ngoài tỉnh)	Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	22
8	Tiếp nhận viên chức			31
9	Giải quyết phép đối với viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý và công chức			40
10	Công chức, viên chức đi nước ngoài			41
11	Giải quyết nghỉ việc			45

Stt	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Trang
12	Xét duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc Kinh			47
13	Đề nghị miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí đối với các đối tượng thuộc diện miễn, giảm học phí ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học tự thực			50
14	Xác minh văn bằng, chứng chỉ	Hệ thống văn bằng, chứng chỉ		57
B.	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP HUYỆN			58
15	Thẩm định thành lập trường tiểu học công lập	Giáo dục và Đào tạo	Phòng Giáo dục và Đào tạo; UBND cấp huyện	58
16	Thẩm định thành lập trường trung học cơ sở công lập			60
17	Thẩm định cho phép trường trung học cơ sở công lập hoạt động trở lại			62
18	Thẩm định cho phép trường tiểu học công lập hoạt động trở lại			64
19	Thẩm định việc thành lập Trung tâm học tập cộng đồng các phường, xã			66
20	Thẩm định Trung tâm học tập cộng đồng các phường, xã hoạt động trở lại			68
21	Thẩm định thành lập trường Mẫu giáo, Mầm non			70
22	Thẩm định Cho phép trường Mẫu giáo, Mầm non hoạt động			72
23	Thẩm định Cho phép trường Mẫu giáo, Mầm non hoạt động trở lại			75

III

Stt	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Trang
24	Quy định về Kiểm định chất lượng và công nhận đạt Chuẩn Quốc gia đối với trường tiểu học			78
25	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số ít người			79
III.	SỞ NGOẠI VỤ			86
26	Cho phép cán bộ, công chức, viên chức đi nước ngoài về việc công thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh	Lĩnh vực Đoàn ra	Sở Ngoại vụ	86
27	Cho phép cán bộ, công chức, viên chức đi nước ngoài về việc riêng thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh			92
28	Cho phép cán bộ, công chức, viên chức đi nước ngoài về việc công thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Ngoại vụ			98
29	Cho phép cán bộ, công chức, viên chức đi nước ngoài về việc riêng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Ngoại vụ			103
IV.	SỞ NỘI VỤ			109
30	Đề nghị khen thưởng thường xuyên cấp nhà nước (Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Cờ thi đua Chính phủ, Chiến sĩ thi đua toàn quốc)	Lĩnh vực Thi đua – Khen thưởng	Sở Nội vụ	109
31	Đề nghị khen thưởng theo đợt thi đua hoặc theo chuyên đề cấp nhà nước (Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ)			115
32	Đề nghị tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có quá trình công hiến trong tổ chức, các cơ quan và đoàn thể (Huân chương)			121
33	Bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý đối với cán bộ, công chức, viên chức			125

Stt	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Trang
34	Bổ nhiệm vào ngạch công chức, xếp lương đối với trường hợp đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc khi được tuyển dụng	Lĩnh vực cán bộ, công chức, viên chức		127
35	Bổ nhiệm vào ngạch công chức			128
36	Điều động, tiếp nhận công chức			129
V.	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG			131
37	Phê duyệt quy hoạch sử dụng đất cấp huyện	Lĩnh vực Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Sở Tài nguyên và Môi trường	131
38	Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện			134
39	Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện			137
VI.	SỞ TƯ PHÁP			140
40	Bổ nhiệm, cấp thẻ Trợ giúp viên pháp lý	Trợ giúp pháp lý	Sở Tư pháp	140
41	Miễn nhiệm và thu hồi thẻ Trợ giúp viên pháp lý			142
42	Cấp lại thẻ Trợ giúp viên pháp lý			144
43	Bổ nhiệm Giám định viên tư pháp			145
VII.	SỞ XÂY DỰNG			147
A.	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH			147
44	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình không theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	Lĩnh vực Quy hoạch-Kiến trúc	Sở Xây dựng	147

Stt	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Trang
45	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình không theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh			151
B.	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN			155
46	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình không theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	Quy hoạch – Kiến trúc	Ủy ban nhân dân cấp huyện	155
47	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình không theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện			159
VIII.	SỞ Y TẾ			163
48	Duyệt Báo Cáo Tình Hình Tồn Kho Và Dự Trù Thuốc Methadone Thuộc Thẩm Quyền Quản Lý Của Sở Y Tế	Dược phẩm	Sở Y tế	163
49	Đề nghị Xét tặng giải thưởng Hải Thượng Lãn Ông về công tác y dược cổ truyền	Thi đua Khen thưởng		166
IX.	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN			179
50	Công nhận xã nông thôn mới (NTM), NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	179
51	Công nhận làng nghề truyền thống			214
XI.	SỞ CÔNG THƯƠNG			216
52	Phê duyệt chợ đạt tiêu chuẩn chợ văn hóa	Quản lý và phát triển chợ	UBND cấp huyện	216
53	Phê duyệt Nội quy chợ hạng 01, hạng 02, hạng 03			221

**Phần II****NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023
của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)**I. SƠ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ****A. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ****1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án do cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập****a. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Nhà đầu tư nộp hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật Đầu tư, các khoản 2 và 3 Điều 31 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP tại Trung tâm Hành chính công tỉnh (hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích);

- Bước 2: Trung tâm Hành chính công tỉnh tiếp nhận và chuyển hồ sơ đến Sở Kế hoạch và Đầu tư;

- Bước 3: Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận, gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của các sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi dự kiến thực hiện dự án và các cơ quan có liên quan về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó theo quy định tại khoản 6 hoặc khoản 8 Điều 31 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP;

- Bước 4: Cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư;

- Bước 5: Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định gồm các nội dung thẩm định theo quy định tại khoản 6 hoặc khoản 8 Điều 31 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Bước 6: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án gồm những nội dung quy định tại khoản 7 Điều 32 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

- Bước 7: Trung tâm Hành chính công tỉnh có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích) cho nhà đầu tư.

b. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh Đồng Nai (số 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai)

- Qua dịch vụ bưu chính công ích.

c. Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình chấp thuận chủ trương đầu tư;

- Đề xuất dự án đầu tư gồm các nội dung chủ yếu sau: mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư, địa điểm, thời hạn, tiến độ thực hiện, tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; thông tin về hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự

án, điều kiện thu hồi đất đối với dự án thuộc diện thu hồi đất, dự kiến nhu cầu sử dụng đất (nếu có); đánh giá sơ bộ tác động môi trường (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; dự kiến hình thức lựa chọn nhà đầu tư và điều kiện đối với nhà đầu tư (nếu có); cơ chế, chính sách đặc biệt (nếu có).

- Trường hợp pháp luật về xây dựng quy định lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền được sử dụng báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thay cho đề xuất dự án đầu tư.

d. Số lượng hồ sơ: 06 bộ hồ sơ (01 bộ chính và 05 bộ photo).

đ. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của các sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi dự kiến thực hiện dự án và các cơ quan có liên quan.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định trình UBND cấp tỉnh.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Nhà đầu tư (Cơ quan hành chính nhà nước).

g. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

h. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo Mẫu A.II.1 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT hoặc Văn bản thông báo từ chối chấp thuận chủ trương đầu tư (nêu rõ lý do).

i. Phí, lệ phí: Không có.

k. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

l. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục: Dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

m. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư;